

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 –LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 8 - 2025

V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 –LÀO CAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Thái và ông Trần Ngọc Đức

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 2- Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên tòa:***  
Bà Diêm Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:15/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lý Thị T, sinh năm 1995

*Bị đơn:* Anh Đặng Văn H, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, tỉnh Lào Cai

(Chị T, có mặt; anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Theo đơn khởi kiện ngày 16-7- 2025 và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lý Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện L, tỉnh Lào Cai (nay là xã P, tỉnh Lào Cai) ngày 04-9-2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Đến khoảng đầu năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm sống, chồng không chịu làm ăn, bố chồng dở trò đòi bại, hai bên tự hoà giải nhiều lần xong không có kết quả. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2025 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn H.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đặng Thùy D, sinh ngày 22-7-2012; Đặng Thị T1, sinh ngày 28-10-2014 và Đặng Thúy N, sinh ngày 11-6-2021. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D và cháu T1, giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

*\* Tại Bản tự khai ngày 06-8-2025, bị đơn là anh Đặng Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: A và chị Lý Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã P, tỉnh Lào Cai) ngày 04-9-2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Đến khoảng đầu năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai bên tự hoà giải nhiều lần xong không có kết quả. Chị T về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2025 đến nay, Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đặng Thùy D, sinh ngày 22-7-2012; Đặng Thị T1, sinh ngày 28-10-2014 và Đặng Thúy N, sinh ngày 11-6-2021. Khi ly hôn anh nguyện vọng nuôi 2 cháu Đặng Thùy D và Đặng Thúy N còn giao cháu Đặng Thị T1 cho chị T nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Cháu Đặng Thị T1 có nguyện vọng ở với mẹ; cháu Đặng Thùy D có nguyện vọng ở với bố.*

Tại phiên toà: Về quan hệ hôn nhân: Chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H; về nuôi con chung: Chị nhất trí giao hai con chung là Đặng Thùy D và Đặng Thúy N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thị T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng

pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 và các Điều 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Lý Thị T được ly hôn anh Đặng Văn H; về nuôi con chung: Giao cho anh Đặng Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Đặng Thùy D và Đặng Thúy N, giao cho chị Lý Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Đặng Thị T1 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí DSST: Do chị Lý Thị T và anh Đặng H đều nhất trí ly hôn trước khi mở phiên tòa nên chị T và anh H, mỗi bên phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã P, tỉnh Lào Cai nên yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Anh Đặng Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Đặng Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã P, tỉnh Lào Cai) nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để chị Lý Thị T về đoàn tụ với anh Đặng Văn H cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị Lý Thị T nhưng chị H xác định tình cảm không còn, hai bên không bao ban được nhau, không tìm được tiếng nói chung nên chị kiên quyết xin ly hôn. Mặt khác, anh H cũng không có mặt để hoà giải, thực tế đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị T là có căn cứ

nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Lý Thị T được ly hôn anh Đặng Văn H.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh H đều xác định vợ chồng có 3 con chung là Đặng Thùy D, sinh ngày 22-7-2012; Đặng Thị T1, sinh ngày 28-10-2014 và Đặng Thúy N, sinh ngày 11-6-2021.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D và cháu T1 còn giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu N và giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án cháu D có nguyện vọng ở với bố và cháu T1 có nguyện vọng ở với mẹ và thực tế kể từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu D và cháu N do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu T1 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên toà chị Lý Thị T cũng đồng ý giao cháu D và cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; chị nuôi dưỡng cháu T1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy việc thoả thuận của anh chị là không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Lý Thị T và anh Đặng Văn H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chị Lý Thị T và anh Đặng H đều nhất trí ly hôn trước khi mở phiên toà nên chị T và anh H, mỗi bên phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; các Điều 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của

Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T được ly hôn anh Đặng Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Đặng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: Đặng Thùy D, sinh ngày 22-7-2012 và Đặng Thúy N, sinh ngày 11-6-2021; Giao cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: Đặng Thị T1, sinh ngày 28-10-2014 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Anh Đặng Văn H phải chịu 75.000 đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (Anh H chưa nộp);

- Chị Lý Thị T phải chịu 75.000 đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp ngày 16-7-2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Lào Cai. Chị Lý Thị T được trả lại 225.000 đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lý Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Anh Đặng Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2- Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Phúc Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Thanh Nga**













